TAND HUYỆN K **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT R** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HS-ST
Ngày 30/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT R

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Tuyết
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Sân
Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Tô Đỗ Yến Ly - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HS ngày 18/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn Đ** Tên gọi khác: Không; Giới tính: R;

Sinh ngày 08/10/2001; Tại: P – Lai Châu;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt R; Dân Tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn S, sinh năm 1971; con bà: Lù Thị H, sinh năm 1972. Gia đình bị cáo có 04 anh chị em. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K từ ngày 17/7/2023 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Công Hưởng, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt)*

** Bị hại:* Chị Vàng Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản D, xã L, huyện K (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Lý A A, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản S, xã O, huyện P, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

** Người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1. Ông Vàng Văn Yêu, sinh năm 1969. Địa chỉ: Bản D xã L, huyện K (có mặt)

2. Anh Vàng Văn R, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không có lý do)

3. Chị Vàng Thị E, sinh năm 2001. Địa chỉ: Bản D, xã L, huyện K (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Hoàng Văn Đ, sinh ngày 08/10/2001, đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu nhưng không có nơi ở rõ ràng. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 13/7/2023 Hoàng Văn Đ khi đang đi bộ theo hướng từ thành phố Lai Châu về nhà ở bản N, xã N, huyện P đến khu vực lán chăn nuôi của gia đình ông Vàng Văn Yêu, sinh năm: 1969, tại bản Na Đông, xã L, Đ nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave &,màu xanh đen bạc biển kiểm soát 25B1-691.07 của chị Vàng Thị N sinh năm 1986 trú tại Bản D, xã L, huyện K (Xe đăng ký tên Vàng Thị E, sinh năm: 2002 là em gái của chị N cho chị N nhưng chưa làm giấy tờ tặng cho), quan sát xung quanh không thấy có người Hoàng Văn Đ đi gần về phía xe mô tô, thấy ổ khoá không cắm chìa, Đ đã dùng tay giật bung dây điện ổ khoá sau đó nhặt một đoạn dây kim loại cắm vào đầu dây điện ổ khoá để nổ máy, nổ được máy Đ điều khiển xe mô tô đến nhà Vàng Văn R, sinh năm: 1995 ở bản N, xã N, huyện P để nhờ R đi tìm người mua xe của Đ. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/7/2023 tại khu vực bản Sàng Mà Pho, xã Sin Suối Hồ, huyện P, Đ nói dối A xe mô tô trên là của Đ, giấy tờ xe Đ để quên ở nhà. Qua trao đổi, Lý A A đã đồng ý mua xe mô tô trên với giá 2.300.000 đồng, do chưa có giấy tờ nên A đã đưa trước cho Đ số tiền 1.200.000 đồng, số còn lại hẹn khi nào Đ mang giấy tờ xe đến sẽ trả số tiền còn lại. Đ đồng ý và giao xe cho anh Lý A A, khi mua xe mô tô trên do Đ bán anh A không biết đây là xe do Đ thực hiện hành vi trộm cắp mà có, số tiền 1.200.000 đồng Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11-KL-HDĐGTS ngày 17/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave &, màu xanh đen bạc biển kiểm soát 25B1-691.07, số khung: 3917LY036238, số máy JA39E1370725, xe mô tô được đăng ký lần đầu vào 14/02/2020 tại thời điểm bị mất trộm ngày 13/7/2023 có giá trị 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*).

Bản cáo trạng số 72/CT - VKSTĐ ngày 11/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Hoàng Văn Đ về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận và bản cáo trạng nêu trên. Quá trình điều tra bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận và bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại Vàng Thị N trình bày: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave &, màu xanh đen bạc BKS 25B1- 691.07 l đăng kí mang tên Vàng Thị E, do chị E đi làm ăn xa nên đã tặng cho chị N chiếc xe trên nhưng

chưa làm giấy tờ sang tên. Ngày 18/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại chiếc xe trên cho chị N. Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được về việc bồi thường thiệt hại, theo đó bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Về hình phạt, Đ nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lý A A trình bày: Bị cáo Hoàng Văn Đ bán 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave &,màu xanh đen bạc biển kiểm soát 25B1-691.07 cho anh A với giá 2.300.000 đồng (do chưa có giấy tờ nên A đã đưa trước cho bị cáo Đ số tiền 1.200.000 đồng), anh A hoàn toàn không biết đó là xe bị cáo trộm cắp mà có. Nay anh A không yêu cầu bị cáo Hoàng Văn Đ phải bồi thường cho anh A, ngoài ra anh A không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và Đ nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2023; Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đ nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự Đ nghị công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết; Về xử lý vật chứng: Đ nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn dây kim loại màu vàng đồng dài 11 cm; Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo; miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị hại theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa và Đ nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Đ nghị cho bị cáo hưởng mức án dưới mức Đ nghị của vị đại diện viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự, Đ nghị công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại. Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với Đ nghị của người bào chữa về việc Đ nghị cho bị cáo hưởng mức án dưới mức Đ nghị của kiểm sát viên là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chưa thể hiện được tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, chưa thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật. Đ nghị hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc, quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện được tính răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật

Bị cáo Hoàng Văn Đ không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Hoàng Văn Đ thể hiện việc nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Đ nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người bào chữa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện Đu hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra bị cáo Hoàng Văn Đ đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại bản Na Đông, xã L, huyện K, tỉnh Lai Châu, Hoàng Văn Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave &,màu xanh đen bạc biển kiểm soát 25B1- 691.07 của chị Vàng Thị N sinh năm 1986 trú tại Bản D, xã L, huyện K trị giá 5.000.000 đồng. Mục đích trộm cắp tài sản của Đ để bán lấy tiền tiêu xài.

Bị cáo Hoàng Văn Đ là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, hành vi của bị cáo Hoàng Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đu thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, người bào chữa Đ nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án dưới mức Đ nghị của vị đại diện viện kiểm sát. Xét thấy, mức án mà người bào chữa Đ nghị chưa đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận Đ nghị của người bào chữa.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa Đu cho thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà giữa bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường thiệt hại. Xét thấy sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa bị bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Theo đó, bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Hoàng Văn Đ phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 đoạn dây kim loại màu vàng đồng dài 11 cm là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, vật không còn giá trị A dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Những vấn Đ liên quan:

Cơ quan điều tra thu giữ của Hoàng Văn Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 25B1-691.07, kèm theo xe là 01 chìa khoá xe, 01 chốt bản lề yên xe tạm giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của chị Vàng Thị E. Căn cứ đơn Đ nghị của bị hại, ngày 18/8/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe cho chị Vàng Thị N, việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Đối với Lý A A là người mua xe mô tô biển kiểm soát 25B1 – 691.07 của Hoàng Văn Đ, Vàng Văn R là người giúp Đ đi tìm chỗ bán xe. Quá trình điều tra xác định A, R không biết chiếc xe mô tô trên do Đ trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn Đ Đ nghị hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo. Bị hại Vàng Thị N Đ nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị hại. Xét

thấy, bị cáo Hoàng Văn Đ và bị hại Vàng Thị N là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đìnhbị cáo Hoàng Văn Đ thuộc hộ nghèo theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và A dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hoàng Văn Đ thuộc trường hợp miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị hại Vàng Thị N thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và A dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 12 *(Mười hai)* tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 17/7/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại, bị cáo Hoàng Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Vàng Thị N số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền phải thi hành án, thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn dây kim loại màu vàng đồng dài 11 cm.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 11/9/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi Cục thi hành án dân sự huyện K).

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Hoàng Văn Đ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị hại Vàng Thị N.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên HĐXX **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện K;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Hồ Thị Tuyết

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện K;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Hồ Thị Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên HĐXX **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên HĐXX **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**